TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 11 – 9 – 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Thành Ngôn;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2019/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2019/QĐST – HNGĐ ngày 14/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số x, khóm Đ1, phường Đ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự không có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2019, bản tự khai ngày 11/4/2019 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Lê Thị Phương H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh S tự tìm hiểu nhau được 01 năm thì tiến đến hôn nhân vào năm 2013. Ông bà có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ ngày 12/02/2014. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại nhà chồng là địa chỉ số x, khóm Đ1, phường Đ, thành phố LX, tỉnh An Giang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân, do tính tình không phù hợp, gia đình chồng khó khăn, chồng thì không quan tâm đến vợ con. Bà và ông S sống phụ thuộc vào cha mẹ chồng về kinh tế nên khi bà mới sinh con thì mẹ chồng yêu cầu bà đi làm kiếm tiền nhưng con thì không ai trông giữ, gửi con ở nhà trẻ và gửi về ngoại thì cha mẹ chồng không đồng ý. Ông S thì không có ý kiến gì về cuộc sống gia đình của riêng mình. Bà và ông S ly thân hơn 03 năm qua. Thời gian đầu, ông S có nhờ người thân rước con về nội chơi. Tuy nhiên, một năm gần đây thì không còn. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông S có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Ngọc N sinh ngày 07/7/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Nguyễn Minh S vắng mặt lần thứ hai và bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H vì hôn nhân giữa bà và ông S không còn mang lại hạnh phúc. Về con chung, thời gian qua, bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để cháu N có cuộc sống ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con của nguyên đơn. Do bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Do ông S không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Lê Thị Phương H và ông Nguyễn Minh S là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, ông Nguyễn Minh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số x, khóm Đ, phường Đ, thành phố LX, tỉnh An Giang và vẫn còn sinh sống tại địa phương. Thời gian qua, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Minh S theo quy định tại các Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông S vắng mặt lần thứ hai không lý do. Bà H có đơn đề ngày 14/8/2019 về việc đề nghị vắng mặt khi Tòa án xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương H và ông Nguyễn Minh S tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố LX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 06, ngày 12/12/2014 nên được pháp luật

công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà H cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp, gia đình đình chồng khó khăn, chồng thì không quan tâm đến vợ con. Phía ông S được Tòa án nhiều lần tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông S vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà H và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo thêm thời gian dài để bà H và ông S có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà H dành cho ông S không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông S không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn ông S.

[6] Về con chung: Bà H trình bày, bà và ông S có một con chung tên Nguyễn Ngọc N sinh ngày 07/7/2014. Lời khai của bà H phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 103/ĐX ngày 18/7/2014 do Ủy ban nhân phường Đ cấp. Xét thấy, thời gian qua con chung được bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định đời sống cho cháu N, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà H không yêu cầu ông S cấp dương nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông S về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] ***Về án phí*:** Bà H phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà H đã nộp 300.000 đ (Ba

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002897 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phương H được ly hôn với ông Nguyễn Minh S.

- Về con chung: Bà H và ông S có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Ngọc N sinh ngày 07/7/2014. Bà H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu.

Bà H cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông S được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

***Về án phí*:** Bà H phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà H đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002897 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H và ông S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND p.Đ;*
- *Lưu hồ sơ./.*

Nơi nhận:
THẨM TÒA
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *Chi cục THADS TPLX;*
- *Lưu: hồ sơ, VP./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Phạm Xuân Khanh